

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 3 -2025

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 658/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ H, ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: A đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Hồng T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ H, ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: A đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà Phan Thị H và ông Mai Hồng T tiến đến quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002.

Sau khi kết hôn, bà H và ông T sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã lẫn nhau.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung tên Mai Hoàng T1, sinh ngày 08/10/2002 và Mai Kim Y, sinh ngày 5/01/2010.

Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+) Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Mai Hồng T.

+) Về con chung: Bà Phan Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Mai Kim Y, sinh ngày 05/01/2010.

Đối với con chung Mai Hoàng T2, sinh ngày 08/10/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+) Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị H không yêu cầu ông Mai Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

+) Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Mai Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Mai Hồng T đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông T đều vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

-Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H đối với bị đơn ông Mai Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Hồng T và yêu cầu được nuôi con chung; đồng thời, ông T đang cư trú tại địa chỉ số A đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Mai Hồng T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông Mai Hồng T trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và T.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Mai Hồng T tiến đến quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2002, quyển số 01/2002 ngày 24/5/2002 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo Biên bản xác minh ngày 31/10/2024 thể hiện: Trong quá trình chung sống, bà Phan Thị H và ông Mai Hồng T thường xuyên cãi nhau, có lần dẫn đến xô xát. Nguyên nhân chính là do ông Mai Hồng T thường xuyên uống rượu, không lo

làm việc. Đồng thời, bà Phan Thị H xác định hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Qua đó có thể nhận thấy giữa bà H và ông T tình cảm không thể hàn gắn; quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Thị H được ly hôn với ông Mai Hồng T.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phan Thị H và ông Mai Hồng T có 02 con chung tên Mai Hoàng T1, sinh ngày 08/10/2002 và Mai Kim Y, sinh ngày 05/01/2010. Theo nguyện vọng của cháu Mai Kim Y thể hiện trong biên bản lấy lời khai thì cháu Mai Kim Y có nguyện vọng sống chung với bà Phan Thị H. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung tên Mai Kim Y cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với con chung tên Mai Hoàng T2, sinh ngày 08/10/2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trường hợp bà H và ông T có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H với bị đơn ông Mai Hồng T về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Mai Hồng T.

- Về con chung: Giao con chung tên Mai Kim Y, sinh ngày 05/01/2010 cho bà Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với con chung tên Mai Hoàng T2, sinh ngày 08/10/2002 đã trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H không yêu cầu ông Mai Hồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002934 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc K

